

GIỐNG VẬT NUÔI
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ												
Tên bài học/ chủ đề:	GIỐNG VẬT NUÔI												
Khối lớp	Khối lớp 7												
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>I. Khái niệm về giống vật nuôi</p> <p>1. Thế nào là giống vật nuôi?</p> <p>Khái niệm: <i>Giống vật nuôi</i> là sản phẩm do con người tạo ra. Mỗi giống vật nuôi đều có đặc điểm ngoại hình giống nhau, có năng suất và chất lượng sản phẩm như nhau, có tính di truyền ổn định.</p> <table border="1" data-bbox="219 1129 1560 1377"><thead><tr><th>STT</th><th>Tên giống vật nuôi</th><th>Đặc điểm ngoại hình dễ nhận biết nhất</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Vịt cỏ</td><td>Tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi, lông có nhiều màu</td></tr><tr><td>2</td><td>Bò sữa Hà Lan</td><td>Màu lông trắng đen, sản lượng sữa cao</td></tr><tr><td>3</td><td>Lợn Lan đơ rat</td><td>Thân dài, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ thịt nạc cao</td></tr></tbody></table> <p>2. Phân loại giống vật nuôi</p> <p>a) Theo địa lí: nhiều địa phương có giống vật nuôi tốt nên vật nuôi đó được gắn liền với tên địa phương, ví dụ: lợn Móng Cái, bò vàng Nghệ An, ...</p> <p>b) Theo hình thái, ngoại hình (màu sắc, lông, da, ...) như bò lang trắng đen, bò u, ...</p> <p>c) Theo mức độ hoàn thiện giống: các giống vật nuôi được phân ra làm: giống nguyên thủy, giống quá độ,</p> <p>d) Theo hướng sản xuất: dựa vào hướng sản xuất chính của vật nuôi mà chia ra các giống vật nuôi khác nhau như lợn hướng mỡ (lợn Í), giống lợn nạc (lợn Nan-đơ-rát), ...</p> <p>3. Điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi</p>	STT	Tên giống vật nuôi	Đặc điểm ngoại hình dễ nhận biết nhất	1	Vịt cỏ	Tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi, lông có nhiều màu	2	Bò sữa Hà Lan	Màu lông trắng đen, sản lượng sữa cao	3	Lợn Lan đơ rat	Thân dài, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ thịt nạc cao
STT	Tên giống vật nuôi	Đặc điểm ngoại hình dễ nhận biết nhất											
1	Vịt cỏ	Tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi, lông có nhiều màu											
2	Bò sữa Hà Lan	Màu lông trắng đen, sản lượng sữa cao											
3	Lợn Lan đơ rat	Thân dài, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ thịt nạc cao											

- Chung một nguồn gốc.
- Có đặc điểm về ngoại hình và năng suất giống nhau.
- Có tính di truyền ổn định.
- Đạt đến một số lượng cá thể nhất định và có địa bàn phân bố rộng.

II. Vai trò của giống trong chăn nuôi

1. Giống vật nuôi có vai trò quyết định đến năng suất chăn nuôi

Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc khác thì các giống khác nhau sẽ cho năng suất chăn nuôi khác nhau.

Giống vật nuôi	Năng suất chăn nuôi	
	Năng suất trứng (quả/năm/con)	Năng suất sữa (kg/chu kì ngày tiết sữa/con)
Gà Lơ go	250 – 270	
Gà Ri	70 - 90	
Bò Hà Lan		5500 – 6000
Bò Sin		1400 - 2100

2. Giống vật nuôi có vai trò quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi

Để nâng cao hiệu quả chăn nuôi, con người không ngừng chọn lọc và nhân giống để tạo ra các giống vật nuôi ngày càng tốt hơn.

Ví dụ:

- Đánh giá chất lượng của sữa dựa vào hàm lượng mỡ trong sữa. Tỷ lệ mỡ trong sữa của giống trâu Mu ra là 7,9%, giống bò Hà Lan là 3,8 – 4%, giống bò Sin là 4 – 4,5%.

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá

Dẫn dò:

Học bài 31
Trả lời câu hỏi SGK
Xem trước bài 32

<i>trình tự học.</i>	
--------------------------	--